

Bản án số: **169/2018/DS – ST**

Ngày: 05/9/2018

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng
góp hui”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên.
- *Các Hội thẩm nhân dân :* 1. Ông Dương Văn Hai.
2. Ông Huỳnh Ngọc Sơn.
- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Ông Lê Khánh Nguyên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 183/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp “*Hợp đồng góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1732/2018/QĐXXST - DS ngày 03 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Ngọc M - sinh năm: 1970, địa chỉ: số nhà 36/2, ấp T H, xã T P, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Bị đơn:* Nguyễn Thị Ph, sinh năm: 1983; địa chỉ: số nhà 261/3, ấp T H, xã T P, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Trọng H, sinh năm 1981; địa chỉ: số nhà 86/1, ấp G T, xã G, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại tòa án – nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc M trình bày:

Anh có tham gia chơi dây hui ngày 400.000 đồng với chị Nguyễn Thị Ph, do chị Ph làm chủ hui, hui mở ngày 30/6/2016, kết thúc ngày 05/9/2017, có 81 hui viên. Anh là người hốt hui sau cùng, nhưng chị Ph không có tiền để giao cho anh, sau đó vào ngày 17/4/2018 giữa anh và chị Ph đã ngồi tính số tiền của dây hui này chị Ph còn nợ anh là 35.000.000 đồng. Chị Ph có viết cho anh tờ biên nhận nợ với số tiền này và hứa mỗi tháng sẽ trả cho anh 500.000 đồng, nhưng sau đó chị Ph không trả cho anh được số tiền nào hết nên anh làm đơn khởi kiện ra Tòa. Khi làm đơn khởi kiện, ngoài việc yêu cầu trả số tiền nợ hui 35.000.000 đồng thì anh có yêu cầu tính lãi phát sinh với mức lãi suất 1,6%/tháng, tạm tính từ ngày làm đơn khởi kiện là 05/6/2018 đến ngày Tòa giải quyết xong vụ án. Nay anh chỉ yêu cầu giải quyết đối

với số tiền hui 35.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Số tiền 35.000.000 đồng này là nợ chung của chị Ph và chồng chị Ph là anh Nguyễn Trọng H vì chị Ph có sử dụng số tiền này vào mục đích kinh tế chung cho gia đình.

Nên tại tòa hôm nay, anh yêu cầu Tòa giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Trọng H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh số tiền 35.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần, không yêu cầu tính lãi. Số tiền này là tài sản riêng của cá nhân anh.

Bị đơn Nguyễn Thị Ph vắng mặt tại tòa, nhưng theo nội dung bản tự khai, chị Ph trình bày:

Chị thừa nhận có nợ anh Nguyễn Ngọc M số tiền hui 35.000.000 đồng. Chị tham gia chơi hui với anh M để có tiền làm ăn, lo cho gia đình, nhưng hiện nay do cuộc sống gia đình gặp nhiều khó khăn nên chị xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền 35.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trọng H vắng mặt tại tòa, nhưng theo nội dung bản tự khai, anh H trình bày:

Anh đồng ý có nghĩa vụ liên đới cùng chị Nguyễn Thị Ph trả cho anh M số tiền 35.000.000 đồng, nhưng xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin không tính tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự; sau khi phân tích, đánh giá toàn diện, nhận định đầy đủ, khách quan về các chứng cứ, những tình tiết của vụ án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc M về việc yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị Ph trả tiền hui. Bị đơn Nguyễn Thị Ph có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T H, xã T P, huyện P, tỉnh Bến Tre, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự thì xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng góp hui và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về tố tụng: Bị đơn Nguyễn Thị Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trọng H đã được Tòa án tiến hành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng với giấy triệu tập nhiều lần để mời đến tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt đối với chị Ph và anh H theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

Hợp đồng góp hui được xác lập giữa nguyên đơn Nguyễn Ngọc M với bị đơn Nguyễn Thị Ph được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, cả hai đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Ph đã thừa nhận hiện nay còn nợ anh M số tiền 35.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả. Do đó, việc anh M yêu cầu chị Ph trả cho anh M số tiền 35.000.000 đồng này là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tại Tòa, anh M chỉ yêu cầu giải quyết đối với số tiền 35.000.000 đồng, không yêu cầu giải quyết đối với số tiền lãi phát sinh từ thời điểm làm đơn khởi kiện ngày 05/6/2018 cho đến ngày Tòa giải quyết vụ án. Nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét đối với số tiền lãi.

[5] Về trách nhiệm liên đới trả nợ: Chị Ph cho rằng số tiền hui này chị sử dụng vào việc làm ăn, lo cho gia đình, còn anh H cũng có ý kiến là đồng ý có nghĩa vụ liên đới cùng chị Ph trả tiền cho anh M. Do đó, việc anh M yêu cầu chị Ph và anh H có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho anh M là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về yêu cầu trả dần nợ của chị Ph, anh H: Chị Ph và anh H cho rằng do hoàn cảnh cuộc sống gia đình đang gặp khó khăn, chị Ph thì xin được trả dần cho anh M mỗi tháng 500.000 đồng, còn anh H thì xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, yêu cầu xin trả dần này của chị Ph và anh H không được anh M đồng ý. Hơn nữa, do chị Ph và anh H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh M trong một thời gian dài đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh M, nên yêu cầu xin được trả dần số nợ của chị Ph và anh H không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Trọng H phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí với số tiền: 35.000.000 đồng x 5% = 1.750.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, 147, 227, 235 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hui, họ, biếu, phưởng.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc M. Buộc chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Trọng H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Ngọc M số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Trọng H phải có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền: 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 875.000 đồng (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) cho anh Nguyễn Ngọc M theo

biên lai thu số: 0016337 ngày 05/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thanh Phú;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thủy Tiên